

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024:

“Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức miễn, giảm tiền thuê đất cụ thể đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa (có dự án xã hội hóa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật nhưng không thuộc dự án được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 và được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án xã hội hóa mà nội dung dự án đã được phê duyệt đáp ứng danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn về xã hội hóa quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo nguyên tắc không cao hơn chế độ ưu đãi được ban hành theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP”.

2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, HĐND tỉnh Gia Lai đã ban hành Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án xã hội hóa ưu đãi đầu tư hoặc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ). Do

vậy, đã đủ cơ sở để xây dựng mức miễn tiền thuê đất đối với dự án xã hội hóa không thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ nêu trên.

Theo đó, Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai để trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định là cần thiết, có cơ sở pháp lý và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản: Nhằm thực thi các quy định tại Luật đất đai năm 2024 và Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đúng thẩm quyền được phân công, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản: dự thảo Nghị quyết xây dựng mức miễn tiền thuê đất đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư theo nguyên tắc mức tối đa là mức miễn tiền thuê đất quy định tại Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh và mức tối thiểu bằng mức ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ, UBND tỉnh có Công văn số 4584/UBND- KTTH ngày 07/10/2025 giao Sở Tài chính chủ trì xây dựng Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Theo đó, Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (dự thảo; lấy ý kiến các sở ngành, địa phương; đăng tải; lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp). Trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị đối với dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành,

nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Đối tượng áp dụng:

- Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền thuê đất.
- Người sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết này.

2. Bộ cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng gồm 07 Điều cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Điều kiện để được hưởng chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện miễn tiền thuê đất

Điều 5. Miễn tiền thuê đất

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Điều 7. Hiệu lực thi hành

3. Nội dung cơ bản (tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết)

a) Phạm vi áp dụng:

Dự thảo Nghị quyết xây dựng mức miễn tiền thuê đất đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư cụ thể:

- Dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư như *Phụ lục kèm theo*.

- Địa bàn không ưu đãi đầu tư là các xã, phường¹ thuộc thị xã Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn và thành phố Quy Nhơn (của tỉnh Bình Định trước sắp xếp)

(Các địa bàn xã, phường còn lại của tỉnh Gia Lai là địa bàn ưu đãi đầu tư nên mức miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh).

b) Nguyên tắc xây dựng mức miễn tiền thuê đất dự án xã hội hóa theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ

¹ Các xã: An Nhơn Tây, Nhơn Châu

Các phường: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Bắc, Bình Định, An Nhơn, An Nhơn Đông, An Nhơn Nam, An Nhơn Bắc, Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Tam Quan, Hoài Nhơn Đông, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn Bắc.

(Các địa bàn không ưu đãi đầu tư theo Thông báo số 457/TB-UBND ngày 23/12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

Theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ thì mức miễn tiền thuê đất đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư không cao hơn chế độ ưu đãi được ban hành theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ, mức tối thiểu bằng mức ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ, cụ thể:

- Mức tối đa là mức miễn tiền thuê đất tại khoản 2 Điều 5 *Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh (đối với dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư tại xã Nhơn Châu, xã An Nhơn Tây: miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê; đối với các phường không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư: miễn 30 năm)*.

- Mức tối thiểu là mức miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (*tối đa không quá 03 năm*).

c) Đề xuất mức miễn tiền thuê đất đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư

- Miễn tiền thuê đất **cho cả thời gian thuê** đối với dự án đầu tư tại địa bàn xã Nhơn Châu (*xã Nhơn Châu là xã đảo nên mức miễn bằng với mức miễn tiền thuê đất dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư tại xã Nhơn Châu theo điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh*).

- Miễn tiền thuê đất **30 (ba mươi) năm** đối với dự án đầu tư tại địa bàn xã An Nhơn Tây (*bằng với mức miễn tiền thuê đất dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư tại các phường thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư theo điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh*).

- Miễn tiền thuê đất **26 (hai mươi sáu) năm** đối với dự án đầu tư tại địa bàn các phường: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Bắc, Bình Định, An Nhơn, An Nhơn Đông, An Nhơn Nam, An Nhơn Bắc, Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Tam Quan, Hoài Nhơn Đông, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn Bắc (*mức miễn ít hơn 04 năm² so với mức miễn tiền thuê đất của xã An Nhơn Tây nêu trên*).

- Trường hợp dự án có diện tích đất tại 02 địa bàn trở lên có mức miễn tiền thuê đất khác nhau thì được áp dụng mức miễn tiền thuê đất cao nhất.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

² Vận dụng theo khoản 3 Điều 39 NĐ 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chênh lệch thời gian miễn tiền thuê đất giữa các đối tượng là **04 năm** (như: miễn 3 năm đối với dự án thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư; miễn 7 năm đối với dự án tại địa bàn khó khăn; miễn 11 năm đối với dự án ngành nghề đặc biệt ưu đãi hoặc địa bàn đặc biệt khó khăn;...)

Dự thảo Nghị quyết Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án xã hội hóa không thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã tiếp thu và hoàn thiện theo ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 121/BC-STP ngày 04/3/2026.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Nguồn tài chính: việc tổ chức thi hành Nghị quyết Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai không làm phát sinh tài chính.

2. Nguồn nhân lực: Việc miễn tiền thuê đất đã được các cơ quan nhà nước (Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh) thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ nên đảm bảo nguồn nhân lực để thi hành Nghị quyết nêu trên. Nội dung này đã được Sở Nội vụ thống nhất tại Công văn số 524/SNV-VP ngày 23/01/2026.

3. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: theo Công văn số 0272/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 26/01/2026, Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

4. Thời gian trình HĐND tỉnh ban hành: dự kiến trong quý II/2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

(*Hồ sơ gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Phụ lục so sánh giữa mức miễn tiền thuê đất của dự thảo Nghị quyết và các quy định hiện hành; Bảng thuyết minh dự thảo Nghị quyết, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Bản tổng hợp ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết*).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, XD, NN&MT;
- Thuế tỉnh Gia Lai;
- CVP, PVP TH;
- Lưu: VT, C5, T4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
DỰ ÁN XÃ HỘI HÓA KHÔNG THUỘC DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ
(Kèm theo Tờ trình 353 /TTr-UBND ngày 08/ 4 /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Lĩnh vực	Dự án xã hội hóa theo các QĐ của Thủ tướng Chính phủ: số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008; số 693/QĐ-TTg ngày 6/5/2013; số 1470/QĐ-TTg ngày 20/7/2016.	Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021, Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	Dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư
I	Giáo dục			
1		Các cơ sở giáo dục; đào tạo nghề nghiệp; Cơ sở đầu tư hạ tầng giáo dục và đào tạo	<i>Ngành, nghề ưu đãi đầu tư</i> - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học - Đầu tư phát triển các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và sản xuất thiết bị giáo dục nghề nghiệp.	
2		Cơ sở dịch vụ phục vụ giáo dục đào tạo (Cơ sở dịch vụ ăn uống cho học sinh, sinh viên; Cơ sở dịch vụ nhà ở cho học sinh, sinh viên; Trung tâm kiểm định chất lượng đào tạo; Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực)		<i>Cơ sở dịch vụ phục vụ giáo dục đào tạo (Cơ sở dịch vụ ăn uống cho học sinh, sinh viên; Cơ sở dịch vụ nhà ở cho học sinh, sinh viên; Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực)</i>
3		Cơ sở sản xuất trang, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em		
II	Y tế			
1		Cơ sở khám, chữa bệnh (Bệnh viện, viện có giường bệnh, cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng; phòng khám; Cơ sở Bảo trợ xã hội	<i>Ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư</i> - Đầu tư kinh doanh cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh. - Nghiên cứu khoa học về công nghệ bào chế, công nghệ sinh học để sản xuất các loại thuốc mới, thuốc thú y mới, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y. - Sản xuất nguyên liệu làm thuốc..., sản xuất bao bì trực tiếp tiếp xúc với thuốc. <i>Ngành, nghề ưu đãi đầu tư</i> - Sản xuất trang thiết bị y tế, xây dựng kho bảo quản dược phẩm, dự trữ thuốc chữa bệnh cho người dễ phòng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm. - Sản xuất nguyên liệu làm thuốc và thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh; phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản. - Sản xuất thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y, bảo quản thuốc thú y; sản xuất trang thiết bị, dụng cụ dùng trong thú y. - Đầu tư cơ sở thử nghiệm sinh học, đánh giá sinh khả dụng của thuốc; cơ sở được đạt tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, thử nghiệm lâm sàng thuốc. - Đầu tư nghiên cứu chứng minh cơ sở khoa học của bài thuốc Đông y, thuốc cổ truyền và xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm bài thuốc Đông y, thuốc cổ truyền.	<i>- Cơ sở khám, chữa bệnh (Bệnh viện, viện có giường bệnh, cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng; phòng khám). - Các cơ sở y tế dự phòng (Cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm phòng ở ngoài; dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm; Cơ sở cung cấp dịch vụ phun hóa chất diệt khuẩn, diệt côn trùng; dịch vụ tư vấn phòng bệnh; dịch vụ tư vấn vệ sinh môi trường). - Vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm (Cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm; Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học). - Dịch vụ phụ trợ trong các cơ sở y tế (giặt là, vệ sinh; dịch vụ ăn; dịch vụ cung ứng thuốc; dịch vụ vận chuyển bệnh nhân; dịch vụ nhà nghỉ cho người nhà bệnh nhân nằm trong khuôn viên bệnh viện); Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra kiểm chuẩn trang thiết bị y tế</i>
2		Các cơ sở y tế dự phòng (Cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm phòng ở ngoài; dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm; Cơ sở cung cấp dịch vụ phun hóa chất diệt khuẩn, diệt côn trùng; dịch vụ tư vấn phòng bệnh; dịch vụ tư vấn vệ sinh môi trường; dịch vụ thông tin và giáo dục sức khỏe; Cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS)		
3		Vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm (Cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm; Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học)		
4		Dịch vụ phụ trợ trong các cơ sở y tế (giặt là, vệ sinh; dịch vụ ăn; dịch vụ cung ứng thuốc; dịch vụ vận chuyển bệnh nhân; dịch vụ nhà nghỉ cho người nhà bệnh nhân nằm trong khuôn viên bệnh viện); Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị y tế; cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra kiểm chuẩn trang thiết bị y tế		

TT	Lĩnh vực	Dự án xã hội hóa theo các QĐ của Thủ tướng Chính phủ: số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008; số 693/QĐ-TTg ngày 6/5/2013; số 1470/QĐ-TTg ngày 20/7/2016.	Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021, Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	Dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư
III	Văn hóa			
1		Di sản văn hóa (Bảo tàng tư nhân; Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống; Cơ sở trình diễn/ diễn xướng dân gian; Cơ sở tổ chức thi công bảo quản tu bổ và phục hồi di tích; Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa)	<i>Ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư</i> - Đầu tư kinh doanh bảo tàng cấp quốc gia, nhà văn hóa dân tộc; đoàn ca, múa, nhạc dân tộc; rạp hát, trường quay, cơ sở sản xuất phim, in tráng phim; nhà triển lãm mỹ thuật - nhiếp ảnh; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc; duy tu, bảo tồn bảo tàng, nhà văn hóa dân tộc và các trường văn hóa nghệ thuật; cơ sở, làng nghề giới thiệu và phát triển các ngành, nghề truyền thống; đầu tư kinh doanh các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian; đầu tư cho Thư viện quốc gia Việt Nam, thư viện công cộng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thư viện có vai trò quan trọng. <i>Ngành, nghề ưu đãi đầu tư</i> - Đầu tư kinh doanh thư viện công cộng cấp xã, thư viện chuyên ngành, thư viện đại học, thư viện thuộc các cơ sở giáo dục, thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và phát triển văn hóa đọc phục vụ học tập suốt đời.	- Cơ sở tổ chức thi công bảo quản tu bổ và phục hồi di tích; Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa. - Cơ sở xuất khẩu phim; Cơ sở chiếu phim và video
2		Điện ảnh (Cơ sở sản xuất phim; Cơ sở dịch vụ sản xuất phim; Cơ sở xuất khẩu phim; Cơ sở chiếu phim và video)		
3		Nghệ thuật biểu diễn (nghệ thuật sân khấu, Ca - Múa - Nhạc dân tộc, Giao hưởng hợp xướng Opera, Balê.		
4		Văn hóa cơ sở (trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, khu văn hóa)		
5		Mỹ thuật nhiếp ảnh và Triển lãm (Bảo tàng mỹ thuật, Vườn tượng, khu văn hóa; Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật)		
6		Thư viện		
III	Thể dục thể thao			
1		Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao	<i>Ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư</i> - Đầu tư kinh doanh trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao và trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao cho người khuyết tật; xây dựng cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải đấu quốc tế; cơ sở luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao chuyên nghiệp. <i>Ngành, nghề ưu đãi đầu tư</i> - Đầu tư kinh doanh trung tâm thể dục, thể thao, nhà tập luyện, câu lạc bộ thể dục thể thao, sân vận động, bể bơi; cơ sở sản xuất, chế tạo, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện tập luyện thể dục thể thao.	
2		Sân thể thao, bao gồm: sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao		
3		Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vẫy, bể hỗn hợp, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước		
4		Nhà tập luyện thể thao		
5		Liên đoàn, hiệp hội thể thao		
6		Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp		
7		Đơn vị sản xuất dụng cụ thể dục thể thao		
8		Cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao		
III	Môi trường			

TT	Lĩnh vực	Dự án xã hội hóa theo các QĐ của Thủ tướng Chính phủ: số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008; số 693/QĐ-TTg ngày 6/5/2013; số 1470/QĐ-TTg ngày 20/7/2016.	Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021, Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	Dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư
1		Cơ sở thu gom, vận chuyển, cơ sở xử lý rác thải, chất thải rắn nguy hại; Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	- Thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải tập trung; Đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước	
2		Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị	- Sản xuất, cung cấp thiết bị quan trắc môi trường, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt tại chỗ, sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	
3		Cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng, sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường	- Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có công suất thiết kế từ 2.500 m3/ngày (24 giờ) trở lên đối với khu vực đô thị từ loại IV trở lên; Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường tập trung; Xử lý chất thải nguy hại, đồng xử lý chất thải nguy hại; Xử lý, cải tạo các khu vực môi trường bị ô nhiễm tại các khu vực công cộng; Ứng cứu, xử lý sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất và sự cố môi trường khác; Di dời, chuyển đổi hoạt động của cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Quan trắc môi trường; Đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, điện táng; Giám định thiệt hại về môi trường; giám định sức khỏe môi trường; giám định về môi trường đối với hàng hóa, phế liệu nhập khẩu, máy móc, thiết bị, công nghệ; Sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường được Nhà nước bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích; Sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường gắn Nhân xanh Việt Nam; sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải rắn của cơ sở xử lý chất thải (sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại); Sản xuất xăng, nhiên liệu diezen và nhiên liệu sinh học được chứng nhận hợp quy; than sinh học; năng lượng từ sử dụng sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt và các dạng năng lượng tái tạo khác; Sản xuất, nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện chuyên dùng sử dụng trực tiếp trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; thiết bị quan trắc nước thải và khí thải tự động, liên tục; thiết bị đo đạc, lấy mẫu và phân tích môi trường; sản xuất năng lượng tái tạo; xử lý ô nhiễm môi trường; ứng phó, xử lý sự cố môi trường; Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở thân thiện với môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận nhân sinh thái; Sản xuất sản phẩm, thiết bị, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm.	
4		Cơ sở hỏa táng, điện táng; Dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ		
5		Cơ sở cung cấp nước sạch		
6		Cơ sở quan trắc và phân tích môi trường; Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng cho các hệ thống quan trắc môi trường		
7		Cơ sở sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường		
8		Cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng để xử lý (tái chế, tiêu hủy) các loại chất thải		
9		Cơ sở khắc phục sự cố môi trường		

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP của Chính phủ đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 230/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024;

Xét Tờ trình số 353/TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP của Chính phủ đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 43/BC-KTNS ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP của Chính phủ đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 đối với dự án xã hội hóa không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn không ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền thuê đất.
- Người sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất làm cơ sở thực hiện xã hội hóa (có dự án xã hội hóa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

theo quy định của pháp luật nhưng không thuộc dự án được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024) và được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án xã hội hóa mà nội dung dự án đã được phê duyệt đáp ứng danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn về xã hội hóa theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Miễn tiền thuê đất

1. Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đối với dự án đầu tư tại địa bàn xã Nhơn Châu.

2. Miễn tiền thuê đất 30 (ba mươi) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn xã An Nhơn Tây.

3. Miễn tiền thuê đất 26 (hai mươi sáu) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn các phường: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Bắc, Bình Định, An Nhơn, An Nhơn Đông, An Nhơn Nam, An Nhơn Bắc, Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Tam Quan, Hoài Nhơn Đông, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn Bắc.

4. Trường hợp dự án có diện tích đất tại 02 địa bàn trở lên có mức miễn tiền thuê đất khác nhau thì được áp dụng mức miễn tiền thuê đất cao nhất.

5. Thời điểm miễn tiền thuê đất theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 04 tháng 5 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

